TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 12 - 2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Tuấn

2. Bà Lê Thị Thu Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích N, sinh năm 1985. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 22 tháng 02 năm 2021 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lê Thị Bích N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2019. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh H đã ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh H không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, chị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định, anh H có đơn xin vắng mặt, nhưng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nH định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị Bích N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H, anh H hiện thường trú tại ấp A, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An (được Công an xã N xác nhận) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2019 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, chị N cho rằng do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên chị và anh H ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Mâu thuẫn giữa anh chị cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Đối với anh Nguyễn Văn H, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh H không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Tại phiên tòa, anh H vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn trong khi thời gian ly thân đã lâu. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng của anh chị không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nH.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Chị N trình bày không có con chung, anh H cũng không có văn bản phản hồi ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6]. Về nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nH toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích N đối với anh Nguyễn Văn H về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung và cấp dưỡng: Chị N trình bày không có con chung, anh H không có văn bản phản hồi ý kiến về con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị N trình bày không có; anh H không có văn bản phản hồi ý kiến nên không xem xét

- Về nợ chung: Chị N trình bày không có; anh H không có văn bản phản hồi ý kiến nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008766 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nH được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nH:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thảnh